

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Nguyên.

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2021 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn V, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Ngày 01/4/2003, bà Đ và ông Trương Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không hiểu tính nhau, không tin tưởng nhau, ông V thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn la mắng vợ con. Ông V không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xích mích và cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau. Do vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Trương Văn V. Về con chung: Bà Đ và ông V có ba con chung Trương Thị My C, sinh ngày 10/3/2004; Trương Văn Q, sinh ngày 20/6/2006 và Trương Văn S, sinh ngày 19/5/2015. Bà Đ đề nghị được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Văn V trình bày: Ông V và bà Đ có đăng ký kết hôn như bà Đ đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu tính nhau, không thông cảm cho nhau nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, xích mích nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Ông V mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Vì vậy, ông V không đồng ý ly hôn với bà Đ. Về con chung: Ông V và bà Đ có ba con chung Trương Thị My C, sinh ngày 10/3/2004; Trương Văn Q, sinh ngày 20/6/2006 và Trương Văn S, sinh ngày 19/5/2015. Nếu ly hôn, ông V đề nghị được nuôi dưỡng cháu S, giao cháu C và Q cho bà Đ nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà Đ và ông V không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông V. Về con chung: Xét thấy, bà Đ có đủ khả năng lao động để nuôi con, cháu C và Q đều có nguyện vọng ở với bà Đ, cháu S hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao các cháu Trương Thị My C, sinh ngày 10/3/2004; Trương Văn Q, sinh ngày 20/6/2006 và Trương Văn S, sinh ngày 19/5/2015 cho bà Đ nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Về án phí, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn V, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Trương Văn V có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông V đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V. Thôn

A và UBND xã X đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của bà Đ và ông V. Ông V không đồng ý ly hôn với bà Đ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông V. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà Đ không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để hàn gắn và vẫn cương quyết ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Đ đối với ông Trương Văn V.

[3] Về nuôi con chung: Bà Đ và ông V có ba con chung là Trương Thị Mỹ C, sinh ngày 10/3/2004; Trương Văn Q, sinh ngày 20/6/2006 và Trương Văn S, sinh ngày 19/5/2015. Bà Đ có nguyện vọng nuôi các con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi các con, ông V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu S. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu S đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời các cháu C và Q đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đ có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Vì vậy, cần giao các cháu C, Q và S cho bà Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn ông Trương Văn V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Trương Văn V.

- *Về nuôi con chung:* Giao cho bà Trần Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Thị Mỹ C, sinh ngày 10/3/2004; Trương Văn Q, sinh ngày 20/6/2006 và Trương Văn S, sinh ngày 19/5/2015, khi các cháu C, Q và S chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Trần Thị Đ không yêu cầu ông Trương Văn V cấp dưỡng nuôi các con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010093 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (29/9/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã T, TX. A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông